

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp các Khoa liên quan;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường ngày 22 tháng 09 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng thạc sĩ cho **99 (chín mươi chín)** học viên cao học khóa 2023 và 2024, hình thức chính quy.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Học viên có tên tại Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp thạc sĩ sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và những học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- P.TC-KHĐT (phối hợp thực hiện)
- Website Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 4182 /QĐ-ĐHNL ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng trường ĐHNL TP.HCM)

STT	MSHV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp văn bằng
1	8620112.232.015	Nguyễn Thị Thiên Triều	Nữ	20/12/1991	Long An	5083/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 21/12/2023	BVTV	THS.NLU.2026.124
2	8540101.232.007	Trần Quang Thanh	Nam	14/01/1997	Tiền Giang		CNTP	THS.NLU.2026.125
3	8549001.232.002	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	02/06/1998	Phú Yên		KTCBLS	THS.NLU.2026.126
4	8520301.232.001	Nguyễn Nguyệt Quế	Nữ	19/10/1999	Đồng Tháp		KTHH	THS.NLU.2026.127
5	8620201.232.002	Nguyễn Quốc Anh	Nam	10/11/1994	Hà Tĩnh		LH	THS.NLU.2026.128
6	8620301.232.002	Võ Văn Nhân	Nam	30/04/2000	Bình Định		NTTS	THS.NLU.2026.129
7	8850103.232.005	Võ Ngọc Lan Anh	Nữ	04/05/1997	TP. Hồ Chí Minh		QLDD	THS.NLU.2026.130
8	8850103.232.006	Phạm Mai Cầm	Nữ	08/08/1985	TP. Hồ Chí Minh		QLDD	THS.NLU.2026.131
9	8850103.232.011	Nguyễn Ái Huệ	Nữ	27/03/2001	Bình Định		QLDD	THS.NLU.2026.132
10	8850103.232.019	Đình Xuân Minh	Nam	27/08/1994	Cà Mau		QLDD	THS.NLU.2026.133
11	8850103.232.020	Nguyễn Nhựt Minh	Nam	21/01/2000	Long An		QLDD	THS.NLU.2026.134
12	8850103.232.027	Phan Nguyễn Hoàng Yến Nhi	Nữ	26/03/1999	Quảng Nam		QLDD	THS.NLU.2026.135
13	8850103.232.032	Huỳnh Lê Trung Sang	Nam	09/12/1998	Bình Dương		QLDD	THS.NLU.2026.136
14	8850103.232.040	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	22/03/1997	Tây Ninh		QLDD	THS.NLU.2026.137
15	8850103.232.042	Nguyễn Tuấn Vương	Nam	05/02/1996	Bình Dương		QLDD	THS.NLU.2026.138
16	8640101.232.031	Sy Quốc Tú	Nữ	20/04/1996	TP. Hồ Chí Minh		TY	THS.NLU.2026.139
17	8640101.232.012	Nguyễn Thị Hồng Linh	Nữ	30/11/1998	Lâm Đồng		TY	THS.NLU.2026.140
18	8640101.232.014	Đặng Minh Mẫn	Nam	31/05/1997	Bình Dương		TY	THS.NLU.2026.141
19	8640101.232.017	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	13/05/1995	Bến Tre		TY	THS.NLU.2026.142
20	8640101.232.021	Mai Thới Ninh	Nam	07/06/1992	Long An		TY	THS.NLU.2026.143
21	8640101.232.030	Vũ Thanh Trường	Nam	17/01/2000	Kiên Giang		TY	THS.NLU.2026.144



STT	MSHV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp văn bằng
22	8620112.241.001	Huỳnh Trung Chính	Nam	10/11/2001	Lâm Đồng	3526/QĐ- ĐHNL-SĐH ngày 21/08/2024	BVTV	THS.NLU.2026.145
23	8620112.241.003	Trương Thị Ngọc Hân	Nữ	28/08/2001	TP. Hồ Chí Minh		BVTV	THS.NLU.2026.146
24	8620105.241.001	Hồ Hoàng Hùng	Nam	15/03/1993	Hà Tĩnh		CN	THS.NLU.2026.147
25	8620105.241.003	Nguyễn Văn Lanh	Nam	06/02/1998	Lâm Đồng		CN	THS.NLU.2026.148
26	8620105.241.007	Lê Việt Sơn	Nam	06/03/1983	TP. Hồ Chí Minh		CN	THS.NLU.2026.149
27	8540101.241.002	Đặng Thị Ngọc Ánh	Nữ	22/07/2002	Hoà Bình		CNTP	THS.NLU.2026.150
28	8540101.241.005	Võ Ngọc Chi	Nữ	06/05/1999	Đồng Tháp		CNTP	THS.NLU.2026.151
29	8540101.241.007	Võ Minh Hiếu	Nam	16/02/1998	Long An		CNTP	THS.NLU.2026.152
30	8540101.241.011	Nguyễn Hoàng Phúc Nguyên	Nữ	29/10/1999	Đồng Tháp		CNTP	THS.NLU.2026.153
31	8540101.241.012	Châu Ngọc Tiến	Nam	20/10/1983	Bình Thuận		CNTP	THS.NLU.2026.154
32	8620110.241.005	Võ Thị Mai Ka	Nữ	16/01/1982	Long An		KHCT	THS.NLU.2026.155
33	8620110.241.014	Lê Thị Trang	Nữ	05/12/1987	Hải Dương		KHCT	THS.NLU.2026.156
34	8620110.241.019	Phạm Quốc Việt	Nam	20/01/2002	Kon Tum		KHCT	THS.NLU.2026.157
35	8549001.241.006	Nguyễn Đức Tú	Nam	11/11/1971	Hà Nội		KTCBLS	THS.NLU.2026.158
36	8549001.241.003	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	04/11/1998	TP. Hồ Chí Minh		KTCBLS	THS.NLU.2026.159
37	8520103.241.008	Châu Văn Vũ	Nam	20/01/1999	Quảng Ngãi		KTCK	THS.NLU.2026.160
38	8620201.241.002	Nguyễn Trung Đức	Nam	27/10/1994	Thái Bình		LH	THS.NLU.2026.161
39	8620201.241.004	Lê Xuân Hậu	Nam	26/01/2000	Bình Định		LH	THS.NLU.2026.162
40	8620201.241.007	Nguyễn Thị Hương	Nữ	19/04/1997	Bình Định		LH	THS.NLU.2026.163
41	8850103.241.001	Nguyễn Thùy Vân Anh	Nữ	07/06/2000	Tây Ninh		QLDD	THS.NLU.2026.164
42	8850103.241.002	Trương Thị Ngọc Châu	Nữ	05/03/1994	Tây Ninh		QLDD	THS.NLU.2026.165
43	8850103.241.003	Nguyễn Thị kim Chi	Nữ	12/11/1996	Tây Ninh		QLDD	THS.NLU.2026.166
44	8850103.241.011	Phạm Thị Hiệp	Nữ	05/03/1987	Nghệ An		QLDD	THS.NLU.2026.167
45	8850103.241.014	Nguyễn Thanh Hoàng	Nam	24/10/1984	Long An		QLDD	THS.NLU.2026.168
46	8850103.241.015	Trần Hoài Hưởng	Nam	12/02/1990	Tây Ninh		QLDD	THS.NLU.2026.169
47	8850103.241.016	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	06/01/1986	Đắk Lắk		QLDD	THS.NLU.2026.170



STT	MSHV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp văn bằng
48	8850103.241.017	Nguyễn Công Khai	Nam	15/03/1991	Tây Ninh	3526/QĐ- ĐHNL-SĐH ngày 21/08/2024	QLDD	THS.NLU.2026.171
49	8850103.241.018	Nguyễn Hoàng Khải	Nam	14/08/1997	Bến Tre		QLDD	THS.NLU.2026.172
50	8850103.241.020	Nguyễn Gia Bảo Lâm	Nam	31/01/2001	TP. Hồ Chí Minh		QLDD	THS.NLU.2026.173
51	8850103.241.021	Phạm Nguyễn Tấn Linh	Nam	11/07/1996	Long An		QLDD	THS.NLU.2026.174
52	8850103.241.022	Phan Thị Thanh Loan	Nữ	23/06/1984	Tây Ninh		QLDD	THS.NLU.2026.175
53	8850103.241.037	Lê Minh Tân	Nam	22/04/1989	Tây Ninh		QLDD	THS.NLU.2026.176
54	8850103.241.042	Phan Trung Thương	Nam	19/09/1988	Tây Ninh		QLDD	THS.NLU.2026.177
55	8850103.241.045	Bùi Ngun Tinh	Nam	22/07/1978	TP. Hồ Chí Minh		QLDD	THS.NLU.2026.178
56	8850103.241.046	Trần Lương Thùy Trang	Nữ	20/06/1996	Tiền Giang		QLDD	THS.NLU.2026.179
57	8310110.241.003	Trần Thị Ngọc Anh	Nữ	28/08/2000	Gia Lai		QLKT	THS.NLU.2026.180
58	8310110.241.007	Đoàn Đình Cung	Nam	25/02/1986	Bình Dương		QLKT	THS.NLU.2026.181
59	8310110.241.009	Bùi Thị Hải	Nữ	10/11/1986	Nghệ An		QLKT	THS.NLU.2026.182
60	8310110.241.010	Ngô Xuân Hải	Nam	09/10/1996	TP. Hồ Chí Minh		QLKT	THS.NLU.2026.183
61	8310110.241.016	Nguyễn Thị Luyến	Nữ	12/08/1996	Đắk Nông		QLKT	THS.NLU.2026.184
62	8310110.241.018	Lê Thị Trang Nguyên	Nữ	18/09/2000	Ninh Thuận		QLKT	THS.NLU.2026.185
63	8310110.241.020	Nguyễn Lê Hồng Nhan	Nữ	21/11/1988	TP. Hồ Chí Minh		QLKT	THS.NLU.2026.186
64	8310110.241.023	Nguyễn Thị Kim Phụng	Nữ	23/09/2000	Đồng Nai		QLKT	THS.NLU.2026.187
65	8310110.241.031	Lê Văn Thức	Nam	26/11/2002	Bình Phước		QLKT	THS.NLU.2026.188
66	8310110.241.032	Đinh Thị Diễm Thúy	Nữ	14/02/1989	Đồng Nai		QLKT	THS.NLU.2026.189
67	8310110.241.034	Nguyễn Nữ Huyền Trang	Nữ	25/12/1990	Ninh Thuận		QLKT	THS.NLU.2026.190
68	8310110.241.035	Phạm Thị Thùy Trang	Nữ	10/12/1991	Bình Thuận		QLKT	THS.NLU.2026.191
69	8310110.241.040	Nguyễn Thị Hoàng Tú	Nữ	05/11/1986	Gia Lai		QLKT	THS.NLU.2026.192
70	8310110.241.046	Vương Thiên Xinh	Nữ	08/07/2000	Bình Định		QLKT	THS.NLU.2026.193
71	8850101.241.002	Nguyễn Ngọc Dựng	Nam	02/04/1978	Thái Bình		QLTNMT	THS.NLU.2026.194
72	8850101.241.005	Nguyễn Thị Cẩm Giang	Nữ	04/06/1995	Tiền Giang		QLTNMT	THS.NLU.2026.195
73	8850101.241.006	Nguyễn Minh Giáp	Nam	01/10/1994	Hà Tĩnh		QLTNMT	THS.NLU.2026.196
74	8850101.241.010	Nguyễn Hoàng Tuấn Lâm	Nam	14/10/2000	TP. Hồ Chí Minh		QLTNMT	THS.NLU.2026.197
75	8850101.241.011	Nguyễn Hoàng Long	Nam	31/07/1991	Long An		QLTNMT	THS.NLU.2026.198



MSHV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp văn bằng
76	Trần Thanh Luân	Nam	15/01/1993	TP. Hồ Chí Minh	3526/QĐ- ĐHNL-SĐH ngày 21/08/2024	QLTNMT	THS.NLU.2026.199
77	Cái Thị Quyền	Nữ	05/09/1998	Bình Định		QLTNMT	THS.NLU.2026.200
78	Hoàng Minh Toàn	Nam	20/04/1977	Thanh Hoá		QLTNMT	THS.NLU.2026.201
79	Hoàng Minh Tuấn	Nam	20/11/1982	Thanh Hoá		QLTNMT	THS.NLU.2026.202
80	Nguyễn Thùy Mỹ Duyên	Nữ	13/07/2001	Khánh Hoà		TY	THS.NLU.2026.203
81	Nguyễn Như Lộc	Nam	22/06/1984	TP. Hồ Chí Minh		TY	THS.NLU.2026.204
82	Trần Nguyễn Thùy Trinh	Nữ	11/04/2000	Ninh Thuận		TY	THS.NLU.2026.205
83	Nguyễn Thị Út	Nữ	10/05/1997	Bình Định		TY	THS.NLU.2026.206
84	Lê Thị Mai Huyền	Nữ	16/03/1970	Tây Ninh	5785/QĐ- ĐHNL ngày 25/12/2024	KTNN	THS.NLU.2026.207
85	Nguyễn Văn Khải	Nam	27/04/1997	Long An		KTNN	THS.NLU.2026.208
86	Huỳnh Thanh Trúc	Nữ	02/09/1997	Tây Ninh		KTNN	THS.NLU.2026.209
87	Dương Khắc Lợi	Nam	10/01/1992	Thanh Hoá		LH	THS.NLU.2026.210
88	Trần Thị Thu Hằng	Nữ	19/08/1979	Tây Ninh		QLDD	THS.NLU.2026.211
89	Lê Thị Tường Vi	Nữ	22/12/1986	Tây Ninh		QLKT	THS.NLU.2026.212
90	Nguyễn Thị Thúy An	Nữ	04/02/1989	Tây Ninh		QLKT	THS.NLU.2026.213
91	Võ Thị Ngọc Diệu	Nữ	01/03/1983	Tây Ninh		QLKT	THS.NLU.2026.214
92	La Anh Đức	Nam	10/06/1991	Bình Định		QLKT	THS.NLU.2026.215
93	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	Nữ	16/05/1996	Tây Ninh		QLKT	THS.NLU.2026.216
94	Võ Thị Thanh Thảo	Nữ	01/03/1987	Tây Ninh		QLKT	THS.NLU.2026.217
95	Lê Thị Phương Thùy	Nữ	25/10/1991	Ninh Thuận		QLKT	THS.NLU.2026.218
96	Trần Tường Vãn	Nam	29/08/1988	Ninh Thuận		QLKT	THS.NLU.2026.219
97	Nguyễn Văn Thắm	Nam	20/07/1991	Bình Dương		QLTNMT	THS.NLU.2026.220
98	Trần Minh Trí	Nam	20/02/1993	Bình Dương		QLTNMT	THS.NLU.2026.221
99	Nguyễn Bá Toàn	Nam	15/01/1979	Vĩnh Long		TY	THS.NLU.2026.222

Danh sách gồm 99 học viên

Handwritten signature